

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79 /2017/DSPT
Ngày 21 - 7 - 2017
“V/v: Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hoàng Anh

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Đào Đức Thiện

-Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ai Giôn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2017/TLPT-DS ngày 16/5/2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2017/QĐPT-DS ngày 03/7/2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Tịnh xá N.D.

+Người đại diện theo pháp luật: Bà Bạch Thị N, sinh năm 1942.

Địa chỉ: thôn P.T, xã T.H, huyện T.T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

+Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Huỳnh Tú A, sinh 1972.

Địa chỉ: 348 B.Đ.T, phường 24, quận B.T, thành phố Hồ Chí Minh.
(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 11/ 8/2016). (Có mặt)

2.Bị đơn:

+ Bà Mã Thị G - Sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ni viện T.H, khu phố T.P, thị trấn P.M, huyện T.T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.(Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Huỳnh H – Sinh năm 1951.

Địa chỉ: Tịnh Thất L.T, thôn P.T, xã T.H, huyện T.T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (Vắng mặt)

+ Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Tạ Hùng T, sinh 1945

Địa chỉ: 37 T.B.H, Quy Nhơn, Bình Định; Chỗ ở: thôn P.T, xã T.H, huyện T.T, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30/8/2016). (Có mặt)

+Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Minh Đ, sinh 1979, luật sư Công ty luật hợp doanh M.D, Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Địa chỉ: Số nhà 569 P.V.Đ, phường P.T, thành phố B.R, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.(Có mặt)

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Giáo hội Phật giáo tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+Người đại diện theo pháp luật: Ông Thích Quảng H, sinh 1943 (Vắng mặt) và Ông Thích Nguyên Thọ (Tức Dương Văn T), sinh 1964.(Có mặt)

Địa chỉ: Chùa Đ.T.L, thị trấn P.M, huyện T.T, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

4.Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Bạch Thị N; Người đại diện của bị đơn ông Tạ Hùng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại các bản khai nguyên đơn bà Bạch Thị N và người đại diện bà Nguyễn Huỳnh Tú A trình bày:

Tịnh xá N.D là cơ sở Phật giáo hợp pháp trực thuộc Giáo hội Phật giáo tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu do bà Bạch Thị N là trụ trì. Đầu năm 2015 bà N thấy tuổi đã cao nên có đề nghị Giáo hội Phật giáo tỉnh, nếu cần nơi để tổ chức điểm an cư kiết hạ thì có thể lấy Tịnh xá N.D để tổ chức. Do quen biết với bà Mã Thị G và bà Nguyễn Huỳnh H là những người cùng tu hành và theo đề nghị của bà G và bà H thì bà N sẽ giao Tịnh xá N.D cho bà G, bà H xây dựng sửa chữa điểm an cư kiết hạ trên diện tích đất 1.248,5 m² tọa lạc tại xã T.h, huyện T.T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Trường hợp Tịnh xá không đủ chỗ để ở và học tập cho Chư ni tham gia kiết hạ thì bà G, bà H sẽ tiến hành xây thêm. Việc xây dựng như thế nào, chi phí hết bao nhiêu thì bà G và bà H phải báo cho bà N biết để bà N có nghĩa vụ thanh toán.

Ngày 20/7/2015 bà N và bà G, bà H đã tiến hành ký hợp đồng ủy quyền số 343 tại Văn phòng công chứng, với nội dung: bà N ủy quyền cho bà G, bà H thay mặt quản lý, sử dụng, xây dựng cơ sở tôn giáo trên đất của Tịnh xá N.D. Thời hạn ủy quyền là 50 năm, ủy quyền không có thù lao và xác định quyền và nghĩa vụ của các bên, mục đích của việc ủy quyền nhằm phục vụ hoạt động Phật sự, không có bất cứ quyền lợi gì.

Sau khi ký hợp đồng bà N đã giao con dấu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tịnh xá N.D cho bà G, bà H cất giữ khi cần thì giao trả lại cho bà N. Bà G và bà H có tiến hành sửa chữa xây dựng thêm một số hạng mục công trình và tổ chức 01 lần an cư kiết hạ tại Tịnh xá. Quá trình xây dựng bà N yêu cầu phía bà G thông báo những thông tin về việc xin giấy phép xây dựng, bản thiết kế, các hạng mục chi phí xây dựng...nhưng phía bà G không thực hiện. Bà N yêu cầu giao trả lại con dấu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà G cũng không đồng ý và cho rằng đã ủy quyền rồi thì bà G, bà H được toàn quyền quyết định và không phải thông báo cho bất cứ ai.

Ngày 09/8/2016 bà N có văn bản gửi cho bà G, bà H về việc chấm dứt hợp đồng ủy quyền, với lý do: bà G, bà H đã vi phạm hợp đồng ủy quyền nhưng bà G, bà H không đồng ý. Sau đó Giáo hội Phật giáo tỉnh có hòa giải nhiều lần nhưng không thành, nên bà N khởi kiện ra Tòa án yêu cầu: Hủy hợp đồng ủy quyền ngày 20/7/2015 và buộc bà G, bà H trả lại con dấu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tịnh xá N.D. Bà N đồng ý thanh toán tiền chênh lệch giữa giá trị các công trình xây dựng mới và các công trình cũ.

Tại bản tự khai, bị đơn bà G, bà H và người đại diện của bị đơn ông Tạ Hùng T trình bày:

Bà Bạch Thị N là trụ trì Tịnh xá N.D muốn cúng dường Tịnh xá để xây dựng trường Hạ Ni, bà Nguyễn Huỳnh H là chỗ quen biết đã giới thiệu bà N gặp bà Mã Thị G. Sau khi thỏa thuận hai bên đã tiến hành ký hợp đồng ủy quyền ngày 20/7/2015 tại Văn Phòng công chứng. Sau khi ký hợp đồng thì bà N đưa cho bà G, bà H con dấu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tịnh xá. Tháng 8 năm 2015 bà G, bà H tiến hành cho xây trường Hạ Ni, toàn bộ các công trình cũ của Tịnh xá đã bị đập bỏ hoàn toàn. Các công trình mới xây dựng được khoảng 60 % thì tạm dừng để mở lớp học Chư Ni 03 tháng. Trước khi kết thúc lớp học thì bà N có thông báo cho bà G, bà H phải ngừng việc thực hiện hợp đồng ủy quyền, ngừng việc xây dựng và khởi kiện tại Tòa án.

Việc bà N yêu cầu bà G, bà H thông báo những công việc liên quan đến việc ủy quyền nhưng bà G, bà H không thực hiện là vì bà G, bà H đã thực hiện đúng hợp đồng ủy quyền và bà N phải tự biết. Việc bà G, bà H giữ con dấu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tịnh xá là để thực hiện công việc ủy quyền.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền thì bà G, bà H không đồng ý vì công trình trường Hạ Ni đang xây dựng dở chưa xong; việc bà N yêu cầu giao trả lại con dấu và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì G, bà H chỉ đồng ý trả khi bà N bồi thường 5.000.000.000 đồng tiền danh dự bị tổn thất do bà G, bà H là người tu hành bị kiện. Đối với các khoản chi phí xây dựng một số công trình trên đất Tịnh xá N.D thì bà G, bà H xác định không cung cấp được các khoản chi phí cụ thể là bao nhiêu, đề nghị Tòa án xử theo pháp luật.

Tại các bản khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Giáo hội Phật giáo tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, ông Thích Quang H trình bày:

Tịnh xá N.D là cơ sở tôn giáo hợp pháp trực thuộc Giáo hội phật giáo tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu được giáo hội quản lý trên cơ sở hành chính tổ chức và tuân theo những quy định của pháp luật. Việc tranh chấp hợp đồng ủy quyền của bà N và bà G, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành. Căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 562, 565, 567, 569 và Điều 422 Bộ luật dân sự. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tịnh xá N.D về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”

Hủy hợp đồng ủy quyền lập ngày 20/7/2015 được ký giữa Tịnh xá N.D (người đại diện bà Bạch Thị N) với bà Mã Thị G, bà Nguyễn Huỳnh H về việc ủy quyền quản lý, sử dụng, xây dựng đối với thửa đất 254, tờ bản đồ 21, diện tích 1248,5 m² tọa lạc tại xã T.H, huyện T.T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu công chứng tại Văn phòng công chứng Chấn Phong.

Buộc bị đơn bà Mã Thị Gh, bà Nguyễn Huỳnh H phải trả lại cho Tịnh xá Ngọc Diệu một con dấu mang tên Tịnh xá N.D xã T.H; một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN981813 ngày 19/02/2014 do UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp cho Tịnh xá N.D (Bản chính).

Ghi nhận sự tự nguyện của Tịnh xá N.D (Bà Bạch Thị N) về việc thanh toán cho bà Mã Thị G, bà Nguyễn Huỳnh H tiền xây dựng các công trình gồm: Nhà chúng (gồm cả 03 phòng ngủ) diện tích 239,4 m²; nhà vệ sinh diện tích 13,8 m²; nhà ăn, nhà bếp diện tích 59,25 m²; nhà kho (nhà Cửi huyền) diện tích 50,63 m²; Chánh điện diện tích 281,97 m², trên thửa đất 254, tờ bản đồ 21 tọa lạc tại xã T.H, huyện T.T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với tổng số tiền 1.170.283.500 (Một tỷ một trăm bảy mươi triệu hai trăm tám mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá, án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/4/2017 nguyên đơn bà Bạch Thị N kháng cáo bản án, không đồng ý tự nguyện về việc trả chi phí xây dựng cho bà G, bà H là 1.170.283.500 đồng, lý do vì bà G, bà H đã vi phạm hợp đồng ủy quyền.

Ngày 07/4/2017 người đại diện của bị đơn bà Mã Thị G, bà Nguyễn Huỳnh H là ông Tạ Hùng T có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử sửa án sơ thẩm: Buộc bà N tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền ngày 20/7/2015 để xây dựng xong Trường Hạ Ni tại Tịnh xá N.D làm cơ sở cho các Chư Ni xã T.H tu, cúng bô tác, an cư kiết hạ hàng năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người đại diện của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của phía nguyên đơn và bị đơn. Việc nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng là có cơ sở, do bị đơn không thông báo hạng mục, chi phí xây dựng cho nguyên đơn biết như đã thảo thuận tại hợp đồng ủy quyền, khi hủy hợp đồng thì nguyên đơn phải trả chi phí hợp lý là chi phí xây dựng mà bị đơn đã bỏ ra là đúng quy định của pháp luật và bị đơn có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, con dấu của Tỉnh xá cho nguyên đơn. Việc bị đơn yêu cầu bồi thường 5.000.000.000 đồng tiền danh dự bị tổn thất trong trường hợp này là pháp luật không quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận.

Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, tuyên nghĩa vụ chậm trả không theo Bộ luật dân sự sửa đổi đã có hiệu lực là thiếu sót.

Từ những lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Bác kháng cáo của nguyên đơn và người đại diện bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, của luật sư. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Bạch Thị N và đơn kháng cáo của người đại diện bị đơn ông Tạ Hùng T trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục tố tụng nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Bạch Thị N tranh chấp hợp đồng ủy quyền với bị đơn bà Mã Thị G, bà Nguyễn Huỳnh H. Bị đơn cư trú tại huyện Tân Thành, tài sản liên quan đến hợp đồng ủy quyền tọa lạc tại huyện Tân Thành nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thụ lý giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

+Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Bạch Thị N. Hội đồng xét xử thấy:

[3] Ngày 20/7/2015 bà Bạch Thị N và bà Mã Thị G, bà Nguyễn Huỳnh H có ký kết hợp đồng ủy quyền tại Văn phòng công chứng. Việc ủy quyền không có thù lao, mục đích của việc ủy quyền mà cả hai bên thỏa thuận hướng tới hoạt động sinh hoạt Phật sự.

Nội dung ủy quyền: Bà N ủy quyền cho bà G, bà H thay mặt bà N quản lý, sử dụng, xây dựng cơ sở trường Hạ Ni phật giáo trên diện tích đất 1.248,5 m² tọa lạc tại xã T.H, huyện T.T.

Tại Điều 3 của hợp đồng ủy quyền quy định: Bên ủy quyền (là bà N) phải thanh toán chi phí hợp lý (là chi phí xây dựng) cho bên được ủy quyền (là bà G, bà H). Căn cứ Điều 3 của hợp đồng thì bà N phải thanh toán tiền chi phí xây dựng là chi phí hợp lý có thực cho bà G, bà H. Điều kiện này cũng phù hợp với khoản 3 Điều 567 Bộ luật dân sự, quy định: “Bên ủy quyền thanh toán chi phí hợp lý mà bên được ủy quyền đã bỏ ra để thực hiện công việc ủy quyền”. Theo biên bản định giá của Hội đồng định giá thì các công trình xây dựng có giá trị là 1.170.283.500 đồng. Do đó quyết định của bản án sơ thẩm: Bà N trả cho bà G, bà H chi phí xây dựng 1.170.283.500 đồng là đúng quy định của pháp luật.

+Xét nội dung kháng cáo của người đại diện bị đơn bà G, bà H là ông Tạ Hùng T. Hội đồng xét xử thấy:

[4] Hợp đồng ủy quyền thể hiện: Việc ủy quyền không có thù lao, mục đích của việc ủy quyền là vì hoạt động sinh hoạt Phật sự.

Tại Điều 4 của hợp đồng quy định: Bên được ủy quyền (là bà G, bà H) phải thông báo về việc thực hiện công việc quản lý, sử dụng, xây dựng cơ sở cho bên ủy quyền (là bà N). Bà G, bà H thừa nhận có nhận con dấu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tịnh xá từ bà N đưa, khi bà N đòi lấy lại thì không đưa, với lý do là để thực hiện công việc ủy quyền và không thông báo cho bà N biết các hạng mục xây dựng và chi phí xây dựng.

Như vậy bà G, bà H là bên được ủy quyền đã vi phạm cam kết trong hợp đồng với bên ủy quyền là bà N, nên bà N yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền là có cơ sở, được pháp luật quy định tại khoản 1,5 Điều 565; khoản 1,2 Điều 568; khoản 1 Điều 569 Bộ luật dân sự.

Khoản 1,5 Điều 565 quy định: “...Bên được ủy quyền thực hiện công việc được ủy quyền và báo lại cho bên ủy quyền biết về việc thực hiện công việc đó”. “...Bên được ủy quyền giao lại tài sản đã nhận cho bên ủy quyền.”.

Khoản 1,2 Điều 568 quy định: “...Bên ủy quyền yêu cầu bên được ủy quyền thông báo đầy đủ về việc thực hiện công việc ủy quyền”. “Bên ủy quyền yêu cầu bên được ủy quyền giao lại tài sản..”.

Khoản 1 Điều 569 quy định: “..Nếu ủy quyền không có thù lao thì bên ủy quyền có thể chấm dứt thực hiện hợp đồng bất cứ lúc nào..”.

Từ những lý do trên cho thấy: Việc bà N yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền và đòi lại con dấu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tịnh xá N.D là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

Việc bà G, bà H đòi bà N bồi thường 5.000.000.000 đồng (Năm tỷ đồng) tiền tổn thất danh dự do bị đơn là người tu hành mà bị kiện thì không được pháp luật quy định. Pháp luật quy định cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, được quy định tại khoản 1 Điều 4 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó việc bà N khởi kiện bà G, bà H để

yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N là được pháp luật cho phép và không phải bồi thường là đúng pháp luật.

[5] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Căn cứ Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

Số tiền chi phí là 3.500.000 đồng, do nguyên đơn được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn phải chịu chi phí định giá. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước số tiền trên, nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của nguyên đơn và bác kháng cáo của người đại diện bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự:

Căn cứ Điều 29, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu 200.000 đồng án phí không có giá ngạch.

Do nguyên đơn phải bồi thường chi phí xây dựng nên phải chịu án phí có giá ngạch là $1.170.283.500 \text{ đồng} = 36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 370.283.500 \text{ đồng}) = 47.108.500 \text{ đồng}$.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn, đại diện bị đơn không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

[7] Một số thiếu sót của bản án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm là: Tại phần quyết định của bản án sơ thẩm, tuyên nghĩa vụ chậm trả không theo Bộ luật dân sự sửa đổi bổ sung đã có hiệu lực. Tuyên nguyên đơn có nghĩa vụ trả tiền đối với tài sản đã xây dựng trên đất nhưng không tuyên quyền lợi của nguyên đơn được sở hữu tài sản đó.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 29, Điều 48 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí tòa án. Tuyên xử:

Bác kháng cáo của nguyên đơn bà Bạch Thị N và bác kháng cáo của người đại diện bị đơn bà Mã Thị G, bà Nguyễn Huỳnh H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2017/DSST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, như sau:

Căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 562, Điều 565, Điều 567, Điều 569 và Điều 422 Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tịnh xá N.D về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền”

Hủy hợp đồng ủy quyền lập ngày 20/7/2015 được ký giữa Tịnh xá N.D (người đại diện bà Bạch Thị N) với bà Mã Thị G, bà Nguyễn Huỳnh H về việc ủy quyền quản lý, sử dụng, xây dựng đối với thửa đất 254, tờ bản đồ 21, diện tích 1248,5 m² tọa lạc tại xã T.H, huyện T.T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu công chứng tại Văn phòng công chứng Chấn Phong.

Buộc bị đơn bà Mã Thị G, bà Nguyễn Huỳnh H phải trả lại cho Tịnh xá N.D (người đại diện bà Bạch Thị N) một con dấu mang tên Tịnh xá N.D xã T.H; Một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 981813 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 19/02/2014 cho Tịnh xá N.D. (Bản chính)

Tịnh xá N.D (người đại diện bà Bạch Thị N) có nghĩa vụ trả cho bà Mã Thị G, bà Nguyễn Huỳnh H tiền xây dựng các công trình trên Tịnh xá N.D tổng số tiền là 1.170.283.500 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi triệu hai trăm tám mươi ba ngàn năm trăm đồng).

Tịnh xá N.D (người đại diện bà Bạch Thị N) được quyền sở hữu tài sản trên đất Tịnh xá N.D, bao gồm: Nhà chung (gồm cả 03 phòng ngủ) diện tích 239,4 m²; nhà vệ sinh diện tích 13,8 m²; nhà ăn, nhà bếp diện tích 59,25 m²; nhà kho (nhà Cửu huyền) diện tích 50,63 m²; Chánh điện diện tích 281,97 m², trên thửa đất 254, tờ bản đồ 21 tọa lạc tại xã T.H, huyện T.T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+Về chi phí thẩm định, định giá: Hết số tiền 3.500.000 đồng. Số tiền này bà G , bà H phải trả nhưng bà N đã ứng nộp trước nên buộc bà Mã Thị G và bà Nguyễn Huỳnh H mỗi người phải trả lại cho bà Bạch Thị N số tiền là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mã Thị G, bà Nguyễn Huỳnh H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Tịnh xá N.D (Người đại diện bà Bạch Thị N) phải nộp 47.108.500 đồng nhưng được trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000252 ngày 05/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tịnh xá N.D còn phải nộp số tiền 46.908.500 đồng (Bốn mươi sáu triệu chín trăm linh tám ngàn năm trăm đồng).

2.Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà N, bà G, bà H mỗi người nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006245, số 0006246 ngày 07/4/2017; Số 0006247 ngày 10/4/2017 và số 0003788, số 0003789 ngày 17/4/2017 của Chi cục thi hành án huyện Tân Thành. Bà N, bà G, bà H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thanh toán hết số tiền trên, thì còn phải chịu số tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 21/7/2017.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Tân Thành;
- VKSND huyện Tân Thành;
- Chi cục THADSh. Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Hoàng Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Thiện

Nguyễn Văn Hiến

Trịnh Hoàng Anh